TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **219/**2023/DS-ST
-Ngày: 29/6/2023
-V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thế Tụng**
2. Ông **Trần Văn Bé Ba**

***- Thư ký phiên tòa*:** ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 455/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1956**.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* *Đại diện theo ủy quyền:* **Lê Thị Hồng B, sinh năm 1983** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Trần Thị C, sinh năm 1972** (có mặt)

Nguyễn Hữu D, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N, huyện X, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Đặng Thị Ngọc A trình bày cũng như qua hòa giải, tại phiên tòa, chị Lê Thị Hồng B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Qua quen biết, ngày 10/11/2020, bà A có cho chị Trần Thị C cùng chồng là anh Nguyễn Hữu D vay số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất 3%/tháng, hạn vay 06 tháng, tức là đến ngày 10/5/2021 trả lại.

Ngày 10/3/2021 âm lịch, bà A tiếp tục cho chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng để làm nhà, lãi suất 3%/tháng, hạn vay 04 tháng, tức là đến ngày 10/7/2021 âm lịch sẽ trả lại.

Khi vay tiền, chị C, anh D có viết và ký tên vào biên nhận giao cho bà A giữ. Đến nay thời gian đã quá lâu nhưng chị C, anh D không trả số tiền trên mặc dù bà A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nên bà A khởi kiện.

Bà A khởi kiện yêu cầu chị C, anh D trả số tiền vốn 130.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi, mức lãi suất 1.66%/tháng với thời gian như sau:

+ Lãi suất từ 10/11/2020 đến ngày 16/4/2021 đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng, lại suất 1.66%/tháng x 3.5 tháng, thành tiền 2.905.000 đồng;

+ Lãi suất từ 17/4/2021 tạm tính đến ngày 17/9/2022 là 17 tháng, thành tiền 130.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 17 tháng, thành tiền 36.686.000 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi là 169.591.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị C trình bày ngày 30/4/2023 âm lịch đã trả trước cho bà A số tiên vốn 30.000.000 đồng, bà A đồng ý trừ vào tiền vốn, như vậy chị C, anh D còn nợ là 100.000.000 đồng tiền vốn và yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ này theo từng giai đoạn, cụ thể:

+ Lãi suất từ ngày 10/11/2020 đến ngày 16/4/2021 (nhằm ngày 05/3/2021 âm lịch) đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng, lại suất 1.66%/tháng x 3.5 tháng, thành tiền 2.905.000 đồng;

+ Lãi suất từ ngày 17/4/2021 đến ngày 17/6/2023 (nhằm ngày 30/4/2023 âm lịch), tính tròn 24 tháng, thành tiền 130.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 24 tháng, thành tiền 51.792.000 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 18/6/2023 (nhằm ngày 01/5/2023 âm lịch) đến ngày xét xử 29/6/2023, tính tròn 1.5 tháng, thành tiền 100.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 1.5 tháng, thành tiền 2.490.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi 57.187.000 đồng.

* *Tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị C trình bày*: Chị thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của bà A để làm ăn, làm nhà và còn nợ bà A số tiền như bà A khởi kiện, thời gian qua điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả. Ngày 30.4.2023 âm lịch, vợ chồng chị trả trước cho bà A số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng, vợ chồng chị đồng ý trả nhưng do điều kiện kinh tế còn khó khăn chị xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* *Bị đơn Nguyễn Hữu D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Hữu D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Hữu D.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D trả lại số tiền vốn đã vay còn nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Chợ Gạo nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn khởi kiện, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D trả lại số tiền vốn đã vay là 130.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà A yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D trả lại số tiền vốn còn nợ là 100.000.000 đồng, do chị C, anh D đã trả trước 30.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà A cung cấp cho Tòa án bản chính "*Biên nhận mượn tiền ngày 05/3/2021âl*" và "*Biên nhận vay mượn tiền ngày 10/11/2020*" do chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D viết khi vay tiền của bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt không lý do, tại phiên tòa, chị C có mặt.

Xét thấy: Tại "*Biên nhận vay mượn tiền ngày 10/11/2020*" thể hiện nội dung chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D vay bà A số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 3% và "*Biên nhận mượn tiền ngày 05/3/2021âl*" thể hiện nội dung chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D vay bà A số tiền 80.000.000 đồng để làm nhà, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 3%/tháng. Tất cả các biên nhận có chữ ký và họ tên của chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D. Tại phiên tòa, chị C thừa nhận vợ chồng chị vay bà A số tiền này để làm vốn làm ăn và làm nhà, ngày 30.4.2023 âm lịch, vợ chồng chị đã trả được số tiền 30.000.000 đồng, số nợ còn lại chị xin trả dần.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D có vay bà A số tiền vốn tổng cộng 130.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 10/5/2021 và 05/6/2021 (nhằm ngày 05/6/2021 âl) nhưng đến hạn trả anh, chị chỉ trả được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do đó bà A khởi kiện yêu cầu anh D và chị C trả số nợ còn lại là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối cũng như chứng minh nghĩa vụ trả nợ cho bà A nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc anh D và chị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền vốn đã vay còn nợ tổng cộng là 100.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi: Tại Đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà A yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay còn nợ với lãi suất 1.66%/tháng với thời gian và cách thức trả như sau:

+ Lãi suất từ ngày 10/11/2020 đến ngày 16/4/2021 (nhằm ngày 05/3/2021 âm lịch) đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng, lại suất 1.66%/tháng x 3.5 tháng, thành tiền 2.905.000 đồng;

+ Lãi suất từ ngày 17/4/2021 đến ngày 17/6/2023 (nhằm ngày 30/4/2023 âm lịch), tính tròn 24 tháng, thành tiền 130.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 24 tháng, thành tiền 51.792.000 đồng.

+ Lãi suất từ ngày 18/6/2023 (nhằm ngày 01/5/2023 âm lịch) đến ngày xét xử 29/6/2023, tính tròn 1.5 tháng, thành tiền 100.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 1.5 tháng, thành tiền 2.490.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi 57.187.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị C đồng ý trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên chị xin không trả lãi.

Xét thấy, bà A và anh tùng, chị C có thỏa thuận mức lãi lúc vay vốn là 3%/tháng, anh D và chị C đã vi phạm thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó bà A yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh, chị còn nợ với mức lãi suất 1.66%/tháng trong khoảng thời gian nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh D và chị C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền lãi 57.187.000 đồng.

[5] Về thời gian trả nợ: Bà A yêu cầu anh D và chị C trả số tiền nợ vốn, lãi nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Chị C đồng ý trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế còn khó khăn chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, khi vay vốn anh D và chị C thỏa thuận thời hạn vay trong vòng 04 đến 06 tháng sẽ trả số nợ vay nhưng anh, chị không thực hiện, số nợ này lớn nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp cho bà A nên việc bà A yêu cầu anh D và chị C trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc anh D và chị C trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí tuy nhiên bà A là người cao tuổi thuộc diện miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A, chị C có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc A.**

1. Chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc A số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 57.187.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 157.187.000 đồng *(Một trăm năm mươi bảy triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng),* trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Đặng Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị C, anh Nguyễn Hữu D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ liên đới chịu 7.859.000 đồng.

Bà Đặng Thị Ngọc A thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đặng Thị Ngọc A, chị Trần Thị C có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Nguyễn Hữu D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Cc. THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài